

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 76/2019/HNGĐ.ST
Ngày: 25 - 10 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

2. Ông Lê Hoàn Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Huy C**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T H 2, xã C H B, huyện C L, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Số 911/10/18B, đường Q T, phường A, Quận G V, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A K, xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Huy C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T thông qua mai mối đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2016 tại UBND xã T A T, huyện Bình Tân, tỉnh

Vĩnh Long. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống và sinh hoạt, mâu thuẫn về tiền bạc, tính tính không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Về con chung, anh chị có 01 con chung tên là Lê Phương Th (sinh ngày 23/6/2015), hiện do mẹ đang chăm sóc từ lúc ly thân.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung.

Anh C yêu cầu được ly hôn với chị T, được nuôi con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, không có yêu cầu khác.

- *Tại tờ tường trình ngày 24/9/2019, biên bản hòa giải ngày 14/10/2019, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh Lê Huy C về quan hệ hôn nhân, con chung, quan hệ tài sản là đúng. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, do anh C thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn tiền bạc, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả đã ly thân từ tháng 8/2017 đến nay, thỉnh thoảng anh C có về thăm con, vì vậy tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục chung sống, chị đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, vì từ lúc sinh ra cho đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, con chung đang được đi học, chị có thu nhập ổn định, anh C làm nghề xây dựng nên thường xuyên vắng nhà, hiện đang ở trọ nên việc chăm sóc sẽ không đảm bảo. Chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 3.000.000đ. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lê Huy C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, đời sống chung đã không có hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn vì hoàn cảnh công việc. Tuy làm nghề xây dựng nhưng anh có thời gian, đảm bảo việc chăm sóc con chung, hiện nay anh thuê nhà ở Tp. Hồ Chí Minh để mở công ty kinh doanh riêng, thu nhập bình quân khoảng 29 triệu đồng/tháng, do sinh sống ở Tp. Hồ Chí Minh nên điều kiện học tập của con sẽ tốt hơn.

Chị T đồng ý ly hôn với anh C vì tình cảm vợ chồng khó hàn gắn do anh C tính hay gia trưởng, không thông cảm và chia sẻ công việc gia đình cùng vợ con khi có điều kiện chung sống. Từ lúc sinh ra và đến khi ly thân con chung do chị trực tiếp

chăm sóc, chị làm được sĩ bán thuốc Tây tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/tháng và có nhà trọ cho thuê, con chung được đi học, việc chăm sóc con thuận lợi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét anh Lê Huy C yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị T có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện Bình Tân, nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Tuyên có đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, việc xem xét giải quyết yêu cầu này là không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu, nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung chưa thành niên và giải quyết triệt để vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét anh C và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, thời gian ly thân đã lâu, mỗi người đã có cuộc sống riêng, trước khi ly thân vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, việc tiếp tục sống chung không có hạnh phúc vì anh chị không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Tại phiên tòa, anh C và chị T đồng ý thuận tình ly hôn nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về con chung tên là Lê Phương Th (sinh ngày 23/6/2016), từ lúc sinh ra cho đến nay do chị T trực tiếp chăm sóc, hiện chị T mở quầy thuốc và có chỗ ở ổn định, cháu được đi học, trường ở gần nhà, cuộc sống của con chung đã ổn định, chị T có thu nhập. Xét anh C có yêu cầu được nuôi con chung, anh có thu nhập ổn định nhưng xét con chung là bé gái, tuổi còn nhỏ, việc nuôi con chung của chị T vẫn đảm bảo, để đảm bảo cho con chung phát triển tốt nhất về mặt thể chất, tâm sinh lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được tiếp tục chăm sóc con chung là phù hợp.

[2.3] Xét anh C không trực tiếp nuôi con chung nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét mức cấp dưỡng hàng tháng do chị T yêu cầu bằng 3.000.000đ/tháng là không cao, các

nhu cầu thiết yếu của các con chung phù hợp với điều kiện hoàn cảnh kinh tế, mức thu nhập hiện nay của anh C, trong thời gian ly thân thì hàng tháng anh C đã chi phí nuôi con bằng 3.000.000đ nên được chấp nhận theo quy định tại 82, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp, chị T chăm sóc con chung không đảm bảo và không còn đủ điều kiện nuôi con chung thì vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung anh C chị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Huy C phải nộp án phí hôn nhân là 300.000 đồng và án phí phân cấp dưỡng nuôi con chung bằng 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Huy C.

1.1. Công nhận anh Lê Huy C và chị Nguyễn Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Công nhận để chị T được tiếp tục chăm sóc con chung tên Lê Phương Th (sinh ngày 23/6/2015).

1.3. Anh Lê Huy C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng bằng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Huy C phải nộp án phí phân hôn nhân và gia đình là 300.000đồng và phần cấp dưỡng cho con bằng 300.000đ, số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên

lai thu số: 0011119 ngày 19/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, anh C còn phải nộp thêm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã T A T (h.Bình Tân): 01
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai